

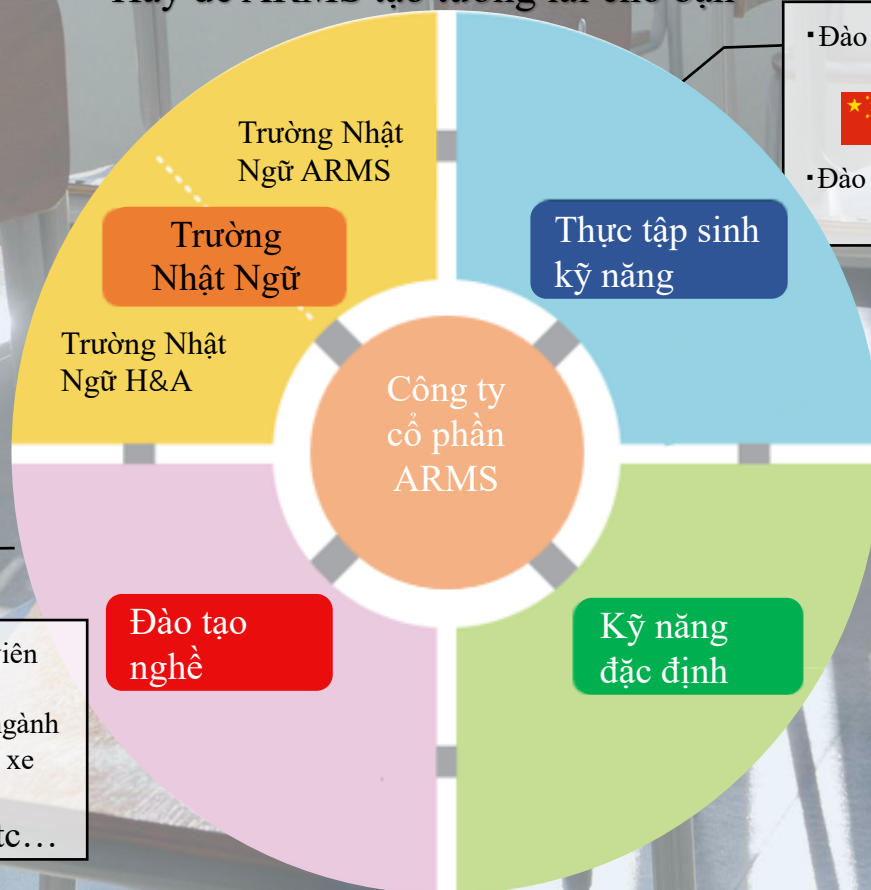
# TRƯỜNG NHẬT NGỮ ARMS TRƯỜNG NHẬT NGỮ H & A

## GIỚI THIỆU TRƯỜNG



Công ty cổ phần ARMS là công ty phát triển nguồn nhân lực làm cầu nối giữa Nhật Bản và thế giới.

~ Hãy để ARMS tạo tương lai cho bạn ~



• Đào tạo trước nhập cảnh



• Đào tạo sau nhập cảnh

- Đào tạo cho nhân viên mới
- Đào tạo theo từng ngành
- Đào tạo kỹ năng lái xe nâng/ máy cầu hàng etc...

## ◆ CÔNG TY CỔ PHẦN ARMS

Tên Công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN ARMS  
Ngày Thành lập: : Ngày 1 Tháng 8 năm 2001  
Địa chỉ : 5-3 Kaminagare , Ichiryamachou , Thành phố Kariya Tỉnh Aichi  
Vốn Điều lệ : 40,000,000 JPY  
Giám đốc : Wei Guoqing  
URL : <http://www.arms.co.jp>

### ◆ Ngành nghề

- : Đào tạo nhân viên mới Giáo dục về an toàn, hướng dẫn cải thiện nơi làm việc
- : Đào tạo ngôn ngữ : Đào tạo tiếng Nhật ( Chứng nhận của JITCO số đăng ký 3543)  
Trường tiếng Nhật ( Chứng nhận của Hiệp Hội Khuyến Khích Giáo Dục Ngôn Ngữ Nhật Bản B755)
- : Đào tạo kỹ năng : Đào tạo kỹ năng lái xe nâng ( Giấy phép số 1348 )  
Đào tạo kỹ năng điều khiển máy cầu hàng ( Giấy phép số 1396 )
- : Đào tạo điều dưỡng: Nhân viên điều dưỡng mới vào nghề ( Giấy phép số 23200008 )
- : Giới thiệu việc làm ( phải trả phí ) thông dịch trong và ngoài nước, giới thiệu các nghề nghiệp chuyên môn như kỹ sư ( Giấy phép số 23-工-110012 )  
Phái cử các chuyên môn Thông dịch , phiên dịch ( Giấy phép số 般23-110038)



# Aichi – thủ phủ công nghiệp , thành phố văn hóa và lịch sử

## Trung tâm của Nhật Bản - Tỉnh Aichi

Tỉnh Aichi là tỉnh nằm ở trung tâm của Nhật Bản, nằm giữa 2 thành phố lớn là Tokyo và Osaka. Bạn sẽ chỉ mất 1,5 giờ để đi đến Tokyo và 1 giờ để đi đến Osaka bằng tàu shinkansen. Nhật Bản có hệ thống giao thông thuận lợi có thể giúp bạn đi đến bất cứ nơi đâu nếu bạn muốn. Aichi là tỉnh có nền công nghiệp phát triển thịnh vượng. Có các công ty lớn như Toyota và nhiều công ty đứng đầu nước đều tụ họp ở tỉnh Aichi



## Thành phố văn hóa Nagoya

### Trung tâm của Aichi - Thành phố Nagoya

Nagoya là thành phố lớn thứ 3 Nhật Bản, nhưng giá cả cũng như chi phí sinh hoạt rẻ hơn Tokyo và Osaka. Vì vậy, Nagoya cũng là thành phố dễ sống và dễ làm việc hơn với môi trường thoải mái, thuận tiện. Ngoài ra, do có nhiều người nước ngoài sống và làm việc tại Nagoya nên có nhiều chế độ hành chính thuận tiện dành cho người nước ngoài sống ở Nagoya và các vùng lân cận



### Nơi tập trung các trường ĐH, CĐ

Có 90 trường đại học và khoảng 100 trường chuyên môn ở khu vực Nagoya. Do đó, các bạn sẽ có nhiều cơ hội để lựa chọn trường thích hợp cho mình học



## Thành phố lịch sử Chiryu

Thành phố Chiryu nằm gần như chính giữa tỉnh Aichi, phát triển với hệ thống giao thông thông dụng từ ngày xưa đến thời điểm hiện tại. Tuy không nhiều như Tokyo và Osaka, nhưng Chiryu có các tuyến đường sắt như tuyến chính Nagoya, Tuyến Mikawa với giá vé không cao lắm.

Chỉ mất khoảng 10 phút để đi bộ đến trường từ ga Chiryu và mất khoảng 25 phút để đi tàu đến Nagoya. Là thành phố thuận tiện để sống và học tập.



### Điểm đến du lịch

Bạn không chỉ có thể đến thăm các nơi thu hút giới trẻ mà còn có thể thăm những điểm du lịch nổi tiếng và cổ kính và có cơ hội trải nghiệm văn hóa Nhật Bản





# Lịch học

## Khóa nhập học

◆ Nhập học vào tháng 4

Khóa 2 năm

Khóa 1 năm

◆ Nhập học vào tháng 10

Khóa 1 năm rưỡi

## Thời gian học

【Từ thứ Hai đến thứ Sáu】

Lớp buổi sáng		Lớp buổi chiều	
1	9:00~9:50	1	13:00~13:50
2	9:55~10:45	2	13:55~14:45
3	10:55~11:45	3	14:55~15:45
4	11:50~12:40	4	15:50~16:40

## Giới thiệu trường

Trường  
anh em

**TRƯỜNG NHẬT NGỮ ARMS**

Thành lập : tháng 10 năm 2010  
 Số lượng : 360 Học sinh  
 Có khóa học với mục tiêu học lên cao và khóa thường  
 Có thể gọi ga Kanyama là ga Nagoya thứ 2 với khoảng cách chỉ mất khoảng 8 phút để đi bộ từ ga Kanayama đến trường , do đó , sẽ rất thuận tiện cho việc đi học cũng như cuộc sống sinh hoạt hàng ngày.



Tòa nhà mới : 〒460-0026

1-5-25 Iseyama , Nakaku, TP Nagoya , Tỉnh Aichi

Tòa nhà thứ nhất của ARMS.

〒460-0026

2-7-23 Iseyama , Nakaku, TP Nagoya , Tỉnh Aichi

Tòa nhà thứ hai của ARMS

TEL : 052-324-7818 FAX : 052-324-7822

Mail : nihongo@arms.co.jp

Trường  
anh em

**TRƯỜNG NHẬT NGỮ H & A**



Thành lập : tháng 4 năm 2019

Số lượng : 225 Học sinh  
 Chủ yếu là khóa học với mục tiêu xin việc  
 Các công ty hàng đầu thế giới như Toyota ở ngay bên cạnh nên có nhiều lợi thế trong vấn đề xin việc

〒472-0023

73 Nishi, Nishimachi, TP Chiryu, Tỉnh Aichi

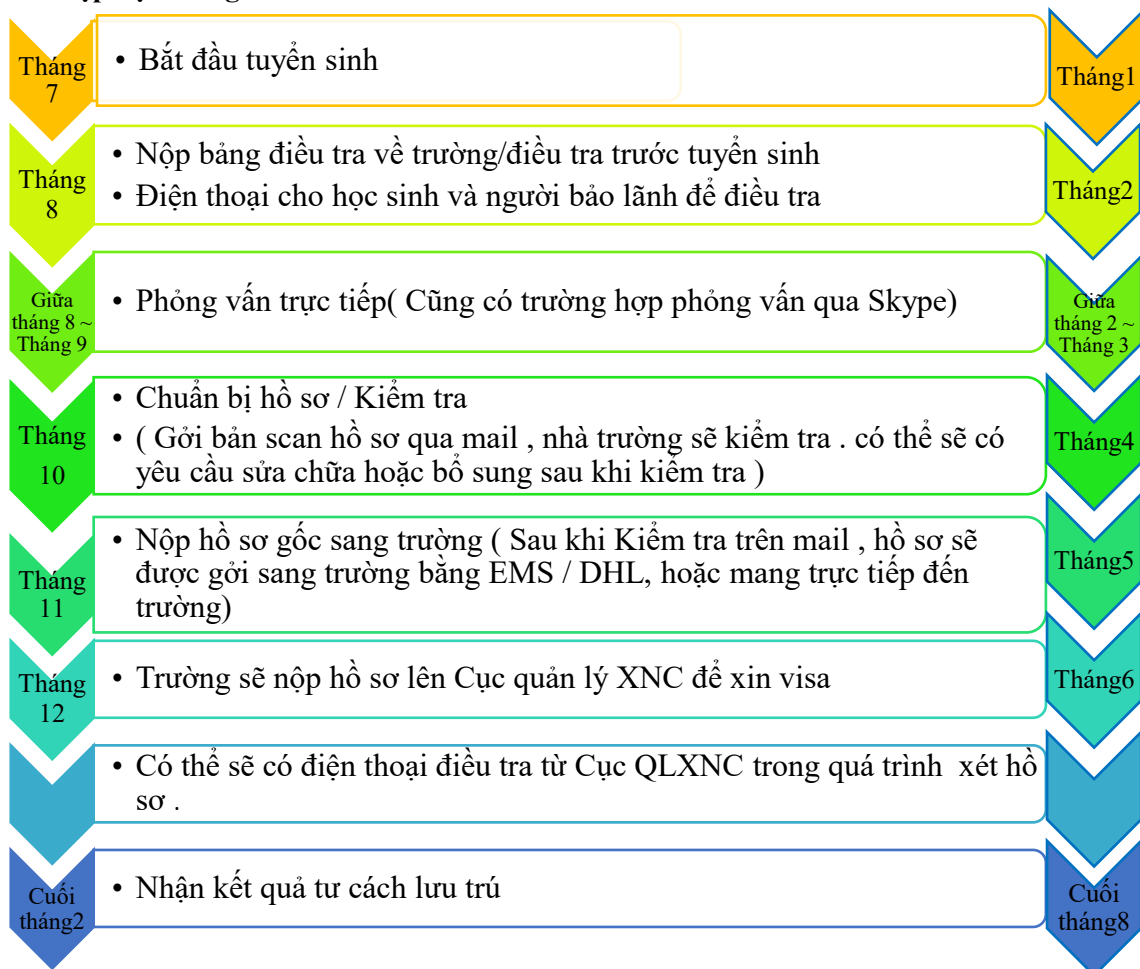
TEL : 0566-95-0517 FAX : 0566-81-9008

Mail : nihongo2@arms.co.jp

# Quá trình từ khi tuyển sinh đến khi nộp hồ sơ xin visa

【 khóa nhập học tháng 4 】

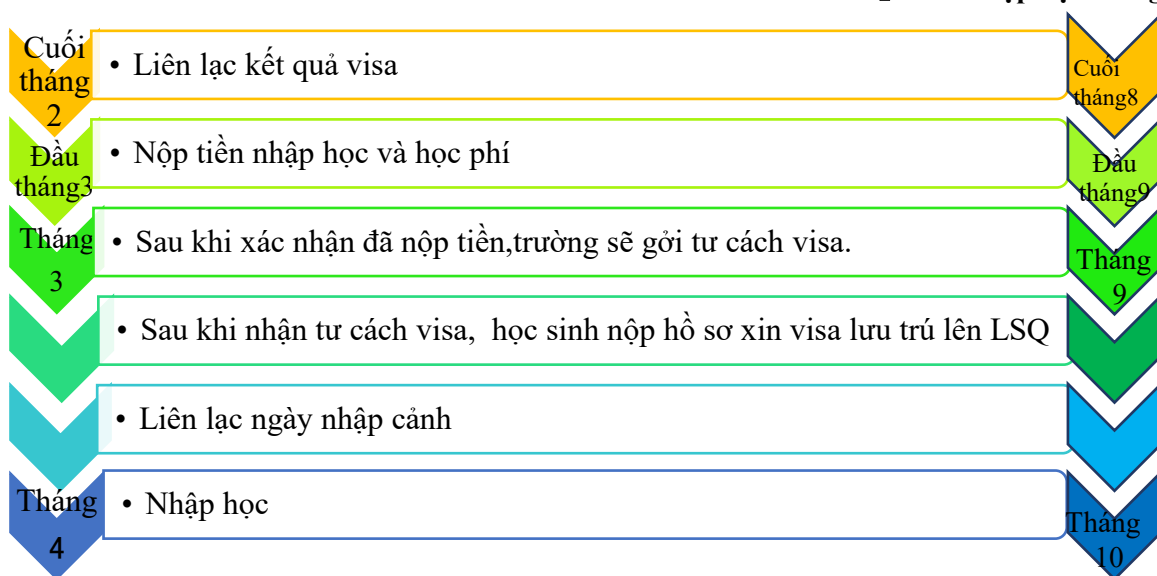
【 khóa nhập học tháng 10 】



## Quá trình đến khi nhập học

【 khóa nhập học tháng 4 】

【 khóa nhập học tháng 10 】



# SỰ KIỆN TRONG NĂM

Tháng 4

Lễ Nhập học.  
Hướng dẫn về cuộc sống ở Nhật.  
Đi dã ngoại.



Lễ Nhập học.



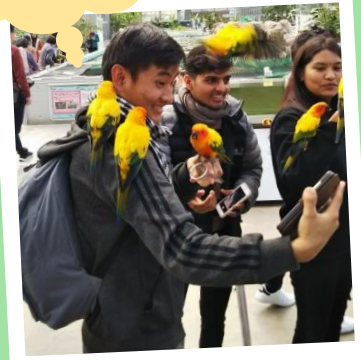
BBQ

Tháng 5

Luyện thi kỳ thi dành cho du học sinh Nhật bản.  
Khám sức khỏe

Tháng 6

Thi giữa kỳ học kỳ trước.  
Luyện thi kỳ thi năng lực Tiếng Nhật.



Đi dã ngoại

Tháng 7

Hướng dẫn vào Đại học , Cao đẳng.  
Buổi thuyết giảng của cảnh sát

Tháng 8

Thuyết giảng đổi sách thi vào Đại học.  
Giáo dục về phòng chống tai họa, thiên tai.



Buổi thuyết giảng của cảnh sát

Tháng 9

Kỳ thi kết thúc khóa học kỳ trước.

Tháng 10

Lễ Nhập học .  
Hướng dẫn về cuộc sống ở Nhật.  
Đi dã ngoại.  
Luyện thi kỳ thi dành cho du học sinh Nhật bản.



Hướng dẫn vào Đại học, Cao đẳng.

Tháng 11

Luyện thi kỳ thi năng lực Tiếng Nhật.

Tháng 12

Thi giữa kỳ học kỳ sau.



Giáo dục về phòng chống tai họa

Tháng 1

Thuyết giảng đổi sách thi vào Đại học.

Tháng 2

Hướng dẫn vào Đại học, Cao đẳng.

Tháng 3

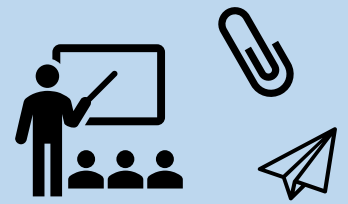
Kỳ thi kết thúc khóa học kỳ sau.  
Đi du lịch dành cho các học sinh tốt nghiệp.  
Lễ Tốt Nghiệp



Lễ Tốt Nghiệp



# Tiến lộ sau tốt nghiệp



## Học lên cao



Cùng với sự hỗ trợ của các giáo viên chủ nhiệm, trường cũng có mở các buổi giảng giải và các events liên quan đến việc tiến học để các em có thể chọn các trường phù hợp.

### ◆ Các trường Đại học, Cao đẳng chủ yếu

#### 【 Trường Đại học 】

Đại học Aichi  
Học viện Đại học Aichi  
Đại học Kỹ thuật Aichi  
Đại học Văn hóa Aichi  
Đại học Aichi Sangyo  
Đại học Nagoya  
Đại học Kinh tế Nagoya  
Đại học Kinh doanh thương mại Nagoya  
Học viện Đại học Nghiên cứu sinh Osaka  
Đại học công lập Nagoya  
Học viện Đại học Nagoya  
Đại học Nagoya Sangyo  
Đại học Phúc lợi Nhật Bản (Nihon Fukushi )

Đại học Nanzan  
Đại học Chukyo  
Đại học Chubu  
Đại học Seijoh  
Đại học Mie (Mie)  
Đại học Yokkaichi (Mie)  
Đại học Chukyo Gakuin (Gifu)  
Đại học Josai University (Saitama)  
Đại học Kinh tế Japan (Fukuoka)

#### 【 Trường chuyên môn 】

Trường chuyên môn Kinh doanh Aichi  
Trường chuyên môn Akemi Bunka Fashion  
Trường chuyên môn thời trang Iihara  
Trường chuyên môn Eclat

Trường chuyên Kinh doanh & Công nhân viên ELIC  
Trường chuyên thời trang Columbia  
Trường chuyên quốc tế về Du lịch  
Trường chuyên kế toán và quản lý Nagoya  
Trường chuyên nghệ thuật quan hệ công chúng Nagoya  
Học viện thiết kế Nagoya  
Trường chuyên kỹ thuật số Nagoya  
Trường chuyên ngoại ngữ Nagoya  
Trường chuyên công nghệ xe hơi Nissan  
Trường chuyên Kinh doanh quốc tế Tokyo  
Kobe Campus  
Trường chuyên O-HARA  
Gaigo&Bridal Beauty  
Trường chuyên ngoại ngữ thông tin Yokkaichi

# Tiến lộ sau tốt nghiệp



## Đi làm

Hỗ trợ chặt chẽ trong việc xin việc làm tại Nhật như luyện tập phỏng vấn và hướng dẫn đi xin việc.

Tỉnh Aichi- nơi có nhiều công ty tập trung ở đây

Hướng tới việc thực hiện hóa ước mơ của từng học sinh .



## Kỹ năng đặc định



Tư cách Visa Kỹ năng đặc định là tư cách lưu trú mới được thiết lập vào tháng 4 năm 2019.

Công ty cổ phần ARMS có tư cách là cơ quan hỗ trợ đăng ký đã được cấp phép thừa nhận.

Đội ngũ nhân viên giàu kinh nghiệm sẽ hỗ trợ bạn trong việc xin visa và thi tay nghề.

**ĐIỀU KIỆN TUYỂN SINH  
CỦA  
TRƯỜNG NHẬT NGŨ ARMS**

# KHAI GIẢNG KHÓA MỚI VÀO THÁNG 4 NĂM 2021



## TRƯỜNG NHẬT NGỮ ARMS



# ĐIỀU KIỆN TUYỂN SINH CỦA TRƯỜNG NHẬT NGỮ ARMS

## 1. Khóa học

học Đã sửa đổi cho sinh viên tháng 4 năm 2025

Khóa học	Nhập học	Tổng số học sinh
Khóa tiên học 2 năm	Tháng 4	280 học sinh
Khóa tiên học 1 năm 6 tháng	Tháng 10	

Khóa học	Nhập học	Tổng số học sinh
Khóa thường 2 năm	Tháng 4	80 học sinh
Khóa thường 1 năm 6 tháng	Tháng 10	
Khóa thường 1 năm	Tháng 4	

## 2. Đối tượng

- Là những người có nguyện vọng vào Đại học , Cao học , trung cấp chuyên nghiệp .
- Là những người có nguyện vọng làm việc tại Nhật hoặc tại các công ty của Nhật có trụ sở tại nước sở tại.
- Là những người có mục đích du học rõ ràng, và có lực học cơ bản để có thể theo học tại các trường ở Nhật.
- Là những người có năng lực tài chính vững vàng để có thể yên tâm tập trung vào việc học .

## 3. Điều kiện tuyển sinh / tư cách nhập học

- ◆ Đã tốt nghiệp tối thiểu cấp ba
- ◆ Có bằng năng lực Nhật ngữ của một trong những kỳ thi sau ngay tại thời điểm nộp hồ sơ gốc:  
Kỳ thi năng lực Nhật ngữ (JLPT) N5 trở lên / BJT•JLRT 300 điểm trở lên / NAT-TEST 5 level trở lên / TOPJ 初級A trở lên/ JPT315 điểm trở lên/ J-TEST 250 điểm trở lên/ J-CERT 初級 trở lên/ JLCT (JCT1~5)
- ◆ Đã học tiếng Nhật trên 150 giờ trở lên ngay tại thời điểm nộp hồ sơ gốc
- ◆ Là những người được phép nhập cảnh (dự kiến) với thủ tục chính đáng .
- ◆ Là những người có người bảo lãnh tin cậy

## 4. Thời gian và phương pháp nộp hồ sơ.

Khóa tiên học và khóa thường 2 năm và 1 năm ( nhập học tháng 4) /Nhận hồ sơ từ tháng 8 đến quý đầu của tháng 11 của năm trước . ( thời hạn hồ sơ được gửi đến trường )

Khóa tiên học và khóa thường 1 năm 6 tháng ( nhập học tháng 10) /Nhận hồ sơ từ tháng 2 đến quý đầu của tháng 5 ( thời hạn hồ sơ được gửi đến trường) .

### • Phương pháp nộp

- (1) Trường hợp Ứng viên hoặc người bảo lãnh ở nước ngoài , thì gửi hồ sơ đến trường qua đường bưu điện .
- (2) Trường hợp người bảo lãnh ở Nhật , thì người bảo lãnh nộp hồ sơ trực tiếp đến trường

## 5. Phí tuyển sinh, học phí và lệ phí .

### 【 Khóa tiên học và khóa thường 2 năm 】

Số tiền trong ngoặc () là tiền đã bao gồm thuế

	Phí Tuyển sinh	Phí nhập học	Phí giờ giảng (năm đầu )	Phí khác *	tổng tiền cho năm đầu, đóng trước khi nhập học	Phí giờ giảng (năm thứ 2 )※	Tổng hai năm
Trước thuế	30,000円	50,000円	600,000円	85,000円	<b>765,000円</b>	600,000円	<b>1,365,000円</b>
Sau thuế	(33,000円)	(55,000円)	(660,000円)	(93,500円)	<b>(841,500円)</b>	(660,000円)	<b>(1,501,500円)</b>

※Đóng vào tháng 2 năm tới

【 Khóa tiến học và khóa thường 1.5 năm 】

Số tiền trong ngoặc ( ) là tiền đã bao gồm thuế

	Phí Tuyển sinh	Phí nhập học	Phí giờ giảng (năm đầu )	Phí khác *	tổng tiền cho năm đầu, đóng trước khi nhập học	Phí giờ giảng, (năm thứ 2 )※	Tổng hai năm
Trước thuế	30,000円	50,000円	600,000円	65,000円	<b>745,000円</b>	300,000円	<b>1,045,000円</b>
Sau thuế	(33,000円)	(55,000円)	(660,000円)	(71,500円)	<b>(819,500円)</b>	(330,000円)	<b>(1,149,500円)</b>

※Đóng vào tháng 8 năm tới

【 Khóa thường 1 năm 】

	Phí Tuyển sinh	Phí nhập học	Phí giờ giảng (năm đầu )	Phí khác *	tổng tiền học , đóng trước khi nhập học
Trước thuế	30,000円	50,000円	600,000円	55,000円	<b>735,000円</b>
Sau thuế	(33,000円)	(55,000円)	(660,000円)	(60,500円)	<b>(808,500円)</b>

\* Lệ phí khác : sách giáo khoa, bảo hiểm, phí kiểm tra sức khỏe định kỳ , dã ngoại,các hoạt động ngoại khóa .

Lưu ý : Các mục phí dưới đây sẽ được thu riêng

- 1 Lệ phí thi kỳ thi năng lực Nhật ngữ ( JLPT)
- 2 Lệ phí thi kỳ thi dành cho du học sinh ( EJU)

- ① Phí tuyển sinh phải được thanh toán tại thời điểm nộp hồ sơ và không được hoàn trả lại bất kể trường hợp đậu hay trượt tư cách lưu trú (COE)".
- ② Đối với những trường hợp hủy bỏ sau khi Giấy chứng nhận tư cách lưu trú (COE) được cấp, ngoại trừ học phí và các chi phí khác, vui lòng thanh toán phí tuyển sinh và phí nhập học đúng hạn thanh toán.
- ③ Sau khi Giấy chứng nhận tư cách lưu trú (COE) được cấp, nếu học viên không nộp hồ sơ xin thị thực và không đến Nhật Bản, sau khi trừ phí tuyển sinh và phí nhập học, số tiền còn lại sẽ được hoàn trả. Tuy nhiên, cần gửi trả lại Giấy chứng nhận tư cách lưu trú (COE) và giấy phép nhập học, và nộp một văn bản (mẫu tùy ý) do học viên viết nêu rõ học viên sẽ hủy nhập học.
- ④ Trường hợp cơ quan đại diện ngoại giao ở nước ngoài không chấp thuận cấp thị thực và bạn không thể nhập học, học phí và các chi phí khác đã nộp sẽ được hoàn trả. Tuy nhiên, trong trường hợp đó, cần phải có giấy chứng nhận cho thấy việc cấp thị thực du học đã bị từ chối.
- ⑤ Sau khi được cấp thị thực, nếu bạn từ chối nhập học trước khi đến Nhật Bản, sau khi trừ phí tuyển sinh và phí nhập học nhà trường sẽ hoàn trả học phí và các chi phí khác. Tuy nhiên, học viên sẽ phải xuất trình giấy chứng nhận đã hủy bỏ thị thực.
- ⑥ Nếu bạn thôi học trong vòng nửa năm kể từ khi nhập học, chúng tôi sẽ không hoàn trả học phí và các chi phí khác của nửa năm đó vì bất kỳ lý do gì. Điều này cũng được áp dụng tương tự nếu bạn thay đổi tư cách visa của mình trong vòng nửa năm sau khi nhập học.
- ⑦ Trong thời gian học tại trường, nếu bạn thôi học vì lý do cá nhân, học phí và các chi phí khác của học kỳ đó sẽ không được hoàn trả nếu bạn thôi học giữa học kỳ. Nếu bạn đã nộp học phí cho học kỳ tiếp theo, chúng tôi sẽ hoàn lại học phí của kỳ đó. Trong trường hợp này, thủ tục hoàn trả học phí sẽ được tiến hành sau khi xác nhận đã về nước đối với những người về nước, và sau khi xác nhận việc đã đổi visa đối với những người đổi sang loại visa khác.
- ⑧ Học phí sẽ không được hoàn trả cho những học viên bị buộc thôi học( đuổi học) do vi phạm pháp luật và các quy định của trường.
- ⑨ Vui lòng thanh toán học phí đúng hạn qui định. Nếu đến hạn thanh toán mà học viên không thanh toán, nhà trường sẽ không được chấp thuận cho tham gia vào lớp học.

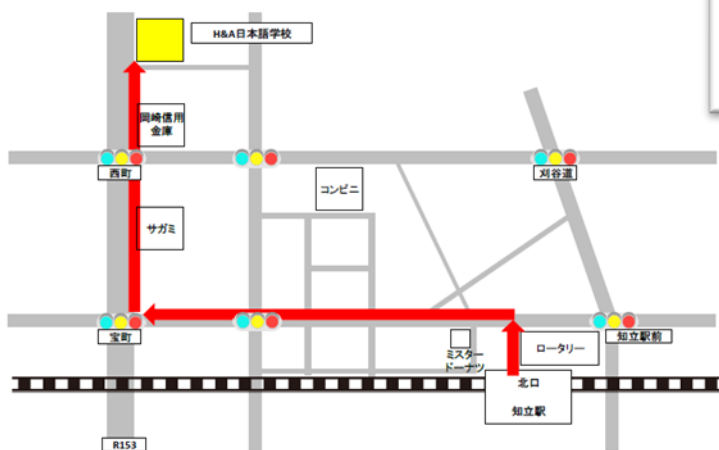
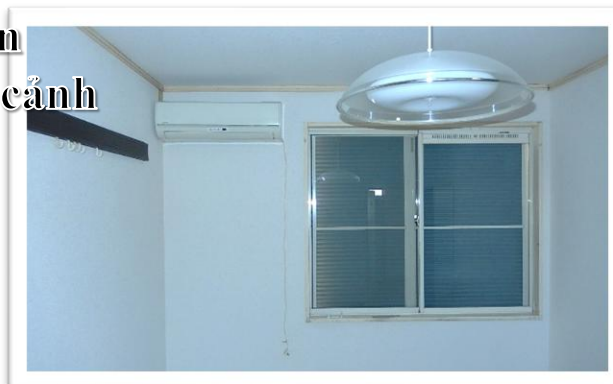
**ĐIỀU KIỆN TUYỂN SINH  
CỦA  
TRƯỜNG NHẬT NGỮ H&A**

## Có Ký túc xá cho học sinh

với vị trí thuận tiện và chỉ mất 10 phút để đi bộ đến trường



Diện và trang thiết bị có sẵn  
có thể vào ở ngay sau khi nhập cảnh



TRƯỜNG NHẬT NGỮ H&A



# ĐIỀU KIỆN TUYỂN SINH CỦA TRƯỜNG NHẬT NGỮ H&A

## 1. Khóa

học Đã sửa đổi cho sinh viên tháng 4 năm 2025

Khóa học	Nhập học	Tổng số học sinh
Khóa tổng hợp 2 năm	Tháng 4	225 học sinh
Khóa tổng hợp 1 năm 6 tháng	Tháng 10	
Khóa tổng hợp 1 năm	Tháng 4	

## 2. Đối tượng

- Những người có nguyện vọng làm việc tại Nhật
- Là những người có nguyện vọng vào Đại học, Cao học, trung cấp chuyên nghiệp.
- Là những người có mục đích du học rõ ràng, và có lực học cơ bản để có thể theo học tại các trường ở Nhật.
- Là những người có năng lực tài chính vững vàng để có thể yên tâm tập trung vào việc học.

## 3. Điều kiện tuyển sinh / tư cách nhập học

### Khóa tổng hợp 2 năm và khóa tổng hợp 1 năm 6 tháng

- ◆ Đã tốt nghiệp tối thiểu cấp ba
- ◆ Có bằng năng lực Nhật ngữ của một trong những kỳ thi sau ngay tại thời điểm nộp hồ sơ gốc:  
Kỳ thi năng lực Nhật ngữ (JLPT) N5 trở lên / BJT•JLRT 300 điểm trở lên / NAT-TEST 5 level trở lên / TOPJ 初級 trở lên/ JPT315 điểm trở lên/ J-TEST 250 điểm trở lên/ J-CERT 初級 trở lên/ JLCT (JCT1~5)
- ◆ Đã học tiếng Nhật trên 150 giờ trở lên ngay tại thời điểm nộp hồ sơ gốc
- ◆ Là những người được phép nhập cảnh (dự kiến) với thủ tục chính đáng.
- ◆ Là những người có người bảo lãnh tin cậy

### Khóa tổng hợp 1 năm

- ◆ Đã tốt nghiệp tối thiểu cấp ba
- ◆ Có bằng năng lực Nhật ngữ JLPT N3 hoặc năng lực Nhật ngữ tương đương tại thời điểm nộp hồ sơ gốc
- ◆ Là những người được phép nhập cảnh (dự kiến) với thủ tục chính đáng.
- ◆ Là những người có người bảo lãnh tin cậy

## 4. Thời gian và phương pháp nộp hồ sơ.

Khóa tổng hợp 2 năm / Khóa tổng hợp 1 năm ( nhập học tháng 4) / Nhận hồ sơ từ tháng 8 đến quý đầu của tháng 11 của năm trước. ( thời hạn hồ sơ được gửi đến trường )

Khóa tổng hợp 1 năm 6 tháng ( nhập học tháng 10) / Nhận hồ sơ từ tháng 2 đến quý đầu của tháng 5 ( thời hạn hồ sơ được gửi đến trường ).

### • Phương pháp nộp

- (1) Trường hợp Ứng viên hoặc người bảo lãnh ở nước ngoài, thì gửi hồ sơ đến trường qua đường bưu điện.
- (2) Trường hợp người bảo lãnh ở Nhật, thì người bảo lãnh nộp hồ sơ trực tiếp đến trường

## 5. Phí tuyển sinh, học phí và lệ phí.

### 【 Khóa 2 năm 】

Số tiền trong ngoặc ( ) là tiền đã bao gồm thuế

	Phí Tuyển sinh	Phí nhập học	Phí giờ giảng (năm đầu)	Phí khác *	tổng tiền cho năm đầu, đóng trước khi nhập học	Phí giờ giảng (năm thứ 2) ※	Tổng hai năm
Trước thuế	30,000円	50,000円	600,000円	85,000円	<b>765,000円</b>	600,000円	<b>1,365,000円</b>
Sau thuế	(33,000円)	(55,000円)	(660,000円)	(93,500円)	<b>(841,500円)</b>	(660,000円)	<b>(1,501,500円)</b>

※Đóng vào tháng 2 năm tới

	Phí Tuyển sinh	Phí nhập học	Phí giờ giảng (năm đầu )	Phí khác *	tổng tiền cho năm đầu, đóng trước khi nhập học	Phí giờ giảng (năm thứ 2 )※	Tổng hai năm
Trước thuế	30,000円	50,000円	600,000円	65,000円	<b>745,000円</b>	300,000円	<b>1,045,000円</b>
Sau thuế	(33,000円)	(55,000円)	(660,000円)	(71,500円)	<b>(819,500円)</b>	(330,000円)	<b>(1,149,500円)</b>

※Đóng vào tháng 8 năm tới

【 Khóa 1 năm 】

	Phí Tuyển sinh	Phí nhập học	Phí giờ giảng (năm đầu )	Phí khác *	tổng tiền học , đóng trước khi nhập học
Trước thuế	30,000円	50,000円	600,000円	55,000円	<b>735,000円</b>
Sau thuế	(33,000円)	(55,000円)	(660,000円)	(60,500円)	<b>(808,500円)</b>

Lệ phí khác : sách giáo khoa, bảo hiểm, phí kiểm tra sức khỏe định kỳ , dã ngoại, các hoạt động ngoại khóa .

Lưu ý : Các mục phí dưới đây sẽ được thu riêng

- 1 Lệ phí thi kỳ thi năng lực Nhật ngữ ( JLPT)
- 2 Lệ phí thi kỳ thi dành cho du học sinh ( EJU)

- ① Phí tuyển sinh phải được thanh toán tại thời điểm nộp hồ sơ và không được hoàn trả lại bất kể trường hợp đậu hay trượt tư cách lưu trú (COE)".
- ② Đối với những trường hợp hủy bỏ sau khi Giấy chứng nhận tư cách lưu trú (COE) được cấp, ngoại trừ học phí và các chi phí khác, vui lòng thanh toán phí tuyển sinh và phí nhập học đúng hạn thanh toán.
- ③ Sau khi Giấy chứng nhận tư cách lưu trú (COE) được cấp, nếu học viên không nộp hồ sơ xin thị thực và không đến Nhật Bản, sau khi trừ phí tuyển sinh và phí nhập học, số tiền còn lại sẽ được hoàn trả. Tuy nhiên, cần gửi trả lại Giấy chứng nhận tư cách lưu trú (COE) và giấy phép nhập học, và nộp một văn bản (mẫu tùy ý) do học viên viết nêu rõ học viên sẽ hủy nhập học.
- ④ Trường hợp cơ quan đại diện ngoại giao ở nước ngoài không chấp thuận cấp thị thực và bạn không thể nhập học, học phí và các chi phí khác đã nộp sẽ được hoàn trả. Tuy nhiên, trong trường hợp đó, cần phải có giấy chứng nhận cho thấy việc cấp thị thực du học đã bị từ chối.
- ⑤ Sau khi được cấp thị thực, nếu bạn từ chối nhập học trước khi đến Nhật Bản, sau khi trừ phí tuyển sinh và phí nhập học nhà trường sẽ hoàn trả học phí và các chi phí khác. Tuy nhiên, học viên sẽ phải xuất trình giấy chứng nhận đã hủy bỏ thị thực.
- ⑥ Nếu bạn thôi học trong vòng nửa năm kể từ khi nhập học, chúng tôi sẽ không hoàn trả học phí và các chi phí khác của nửa năm đó vì bất kỳ lý do gì. Điều này cũng được áp dụng tương tự nếu bạn thay đổi tư cách visa của mình trong vòng nửa năm sau khi nhập học.
- ⑦ Trong thời gian học tại trường, nếu bạn thôi học vì lý do cá nhân, học phí và các chi phí khác của học kỳ đó sẽ không được hoàn trả nếu bạn thôi học giữa học kỳ. Nếu bạn đã nộp học phí cho học kỳ tiếp theo, chúng tôi sẽ hoàn lại học phí của kỳ đó. Trong trường hợp này, thủ tục hoàn trả học phí sẽ được tiến hành sau khi xác nhận đã về nước đối với những người về nước, và sau khi xác nhận việc đã đổi visa đối với những người đổi sang loại visa khác.
- ⑧ Học phí sẽ không được hoàn trả cho những học viên bị buộc thôi học( đuổi học) do vi phạm pháp luật và các quy định của trường.
- ⑨ Vui lòng thanh toán học phí đúng hạn qui định. Nếu đến hạn thanh toán mà học viên không thanh toán, nhà trường sẽ không được chấp thuận cho tham gia vào lớp học.

# TRƯỜNG NHẬT NGŨ

## ARMS - H&A



# Official Account



## CHÚNG TÔI ĐANG TÌM BẠN



Instagram

facebook



@192cjhwe



@ah\_jls



@ah.jls7477

HOME PAGE

ジャパリク  
**Japarec**

ジャパリク  
**Japarec**  
CÁCH ĐĂNG KÝ



<https://ah-jls.com/>



<https://www.japarec.jp/ja/>



<https://youtu.be/6ORPouC5t2I>

# Visa kỹ năng đặc định Hãy đến công ty cổ phần ARMS !

Công ty cổ phần ARMS là cơ quan hỗ trợ đăng ký đã nhận chứng nhận đăng ký  
Cơ quan hỗ trợ đăng ký bộ tư pháp số đăng ký : 19 登-000005

## Visa kỹ năng đặc định là gì ?

### Là tư cách visa lưu trú mới với mục đích làm việc

Tổng thời gian lưu trú tối đa là 5 năm, cơ bản là không chấp nhận việc bảo lãnh gia đình sang sống cùng. Tuy nhiên, đối với những người được công nhận là có chuyên môn cao thì thời gian lưu trú tối đa không bị giới hạn và việc bảo lãnh gia đình sang sống cùng cũng sẽ được chấp nhận.

## Công ty ARMS có...

Hỗ trợ việc xin  
Visa

Có thể tham gia kỳ thi  
kỹ năng đặc định  
trong thời gian học

Website kết nối với các công ty  
Công khai vào tháng 4 năm  
2020 !

ジャパリック

Có các nhân viên  
giàu kinh nghiệm

### Quá trình chuyển đổi từ du học sang kỹ năng đặc định

Du học

Học tại  
Trường Nhật ngữ ARMS hoặc  
Trường Nhật ngữ H&A  
2 năm hoặc 1.5 năm

Kỳ thi tiếng Nhật và thi  
kỹ năng

Đỗ kỳ thi  
Năng lực Nhật Ngữ N4 trở lên  
và kỳ thi kỹ năng

Kỹ năng đặc định số 1

Có trình độ tiếng Nhật và kỹ  
năng nhất định trong một lĩnh  
vực cụ thể (Không thể bảo  
lãnh gia đình sang sống cùng)

Tối đa 5 năm

K  
ỳ  
thi  
tiếng  
Nhật  
và  
thi  
kỹ  
năng

Kỹ năng đặc định số 2

Có kỹ năng thành thạo trong  
một lĩnh vực cụ thể  
(có thể bảo lãnh gia đình sang  
sống cùng)

※Chi hạn chế trong một số  
ngành nghề

Có thể gia hạn kỳ hạn lưu trú

## Ngành nghề chủ yếu

Điều dưỡng



Vệ sinh tổng hợp



Bảo trì xe ô tô



Khách sạn



Dịch vụ ăn uống



Trường Nhật ngữ ARMS ☎ 052-324-7818

✉ [nihongo@arms.co.jp](mailto:nihongo@arms.co.jp)

📞 0566-95-0517

✉ [nihongo2@arms.co.jp](mailto:nihongo2@arms.co.jp)

📞 arms201301

📞 nihongo2\_3

CỦA TRƯỜNG NHẬT  
NGỮ ARMS·H&A

# CHẾ ĐỘ HỌC BỔNG

Nắm bắt cơ hội của bạn tại Nhật Bản!

Học bổng được miễn giảm tùy vào cấp độ của kỳ thi  
Japanese Language Proficiency Test mà bạn đậu

N 1

Giảm 40% cho những bạn đậu  
Giảm đến 528,000 JPY

N 2

Giảm 30% cho những bạn đậu  
Giảm đến 396,000 JPY

N 3

Giảm 20% cho những bạn đậu  
Giảm đến 264,000 JPY

N 4

Giảm 10% cho những bạn đậu  
Giảm đến 132,000 JPY

Merit

1

hướng dẫn phù hợp với tiến lộ của bạn

Hỗ trợ trong việc chọn trường để học lên,  
tìm việc, chuyển visa kỹ năng đặc định

Merit

2

Ký túc xá được trang bị hoàn chỉnh

Hỗ trợ trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày

Merit

3

Thể chế hỗ trợ linh hoạt.

Là trường được Bộ Tư pháp công nhận, trường  
g chúng tôi hỗ trợ mọi thứ từ việc xin thị thực  
đến gia hạn hoặc thay đổi thị thực.

※Chú ý※

• Học bổng được áp dụng cho những bạn nộp bằng  
chứng nhận ngay tại thời điểm nộp hồ sơ gốc.

• Các mục phí dưới đây sẽ được thu riêng

● Bảo hiểm xe đạp

● Lệ phí thi kỳ thi năng lực Nhật ngữ (JLPT)

● Lệ phí thi kỳ thi dành cho du học sinh (EJU)

ARMS · H&A JAPANESE LANGUAGE SCHOOL

052-324-7818 (ARMSJAPANESE LANGUAGE SCHOOL)

0566-95-0517 (H&AJAPANESE LANGUAGE SCHOOL)

ARMS·H&AJAPANESE  
LANGUAGE SCHOOL

SEARCH

# BIỂU GIÁ HỌC PHÍ

JLPT LEVEL	KHÓA HỌC	NĂM ĐẦU	NĂM THỨ HAI	TỔNG SỐ TIỀN	SỐ TIỀN ĐƯỢC GIẢM
N5	2years	841,500JPY	660,000JPY	1,501,500JPY	
	1.5years	819,500JPY	330,000JPY	1,149,500JPY	
	1year	808,500JPY	-----JPY	808,500JPY	
N1	2years	577,500JPY	396,000JPY	973,500JPY	528,000JPY
	1.5years	555,500JPY	198,000JPY	753,500JPY	396,000JPY
	1year	544,500JPY	-----JPY	544,500JPY	264,000JPY
N2	2years	643,500JPY	462,000JPY	1,105,500JPY	396,000JPY
	1.5years	621,500JPY	231,000JPY	852,500JPY	297,000JPY
	1year	610,500JPY	-----JPY	610,500JPY	198,000JPY
N3	2years	709,500JPY	528,000JPY	1,237,500JPY	264,000JPY
	1.5years	687,500JPY	264,000JPY	951,500JPY	198,000JPY
	1year	676,500JPY	-----JPY	676,500JPY	132,000JPY
N4	2years	775,500JPY	594,000JPY	1,369,500JPY	132,000JPY
	1.5years	753,500JPY	297,000JPY	1,050,500JPY	99,000JPY
	1year	742,500JPY	-----JPY	742,500JPY	66,000JPY

